

Bản án số: 25/2026/DS-ST
Ngày 24 - 03 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 411/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-DS ngày 30/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-DS ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP X (E)**. Trụ sở: Tầng H, Văn phòng L+16 Tòa nhà V, số G đường L, phường S, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh A – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị D; Địa chỉ liên hệ: Số A đường N, phường A, thành phố Đà Nẵng (*Theo Văn bản ủy quyền số 03/2024/UQ-EIB ngày 08/8/2024 và Giấy ủy quyền số 02/2025/EIBPGDSONTRA ngày 18/12/2025*). (bà D mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: K đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D trình bày:**

Ngày 15/03/2023, Ngân hàng TMCP X (E) – P, Đà Nẵng và ông Nguyễn Ngọc T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Quốc tế và bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế – gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của ông T, E đã cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thông qua khoản vay đối với thẻ tín dụng quốc tế MaterCard Vàng; thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng. Lãi suất trong hạn: 33%/năm; Lãi suất quá hạn: 49,5%/năm (33% x 150%) theo Thông báo ban hành biểu phí.

Sau khi được cấp thẻ ông T đã thực hiện 07 giao dịch với tổng số tiền là 249.470.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 246.825.000 đồng. Trong đó: lãi phát sinh 9.377.000 đồng và thanh toán gốc 237.448.000 đồng.

Đến ngày 05.04.2025, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, E đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã quy định tại Hợp đồng.

Tại đơn khởi kiện, E yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 26.179.268 đồng (*Hai mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là: 12.021.826 đồng; nợ lãi là: 13.757.442 đồng và phí: 400.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ mục 4 Thông báo số 5599/2025/EIB/TB-TGD ngày 20/06/2025 của E quy định: “*Lãi suất xử lý nợ: 20%/năm được áp dụng đối với Thẻ tín dụng Quốc tế ... chuyển nợ từ nhóm 3 trở lên; Thời gian áp dụng từ ngày 23/04/2025*”. Vì vậy, tính đến ngày 24/03/2026, ông T chỉ còn nợ ngân hàng tổng số tiền: 23.849.424 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là: 12.021.826 đồng; nợ lãi là: 11.427.598 đồng và phí thường niên: 400.000 đồng.

Nay, E đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 24/03/2026 là 23.849.424 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là: 12.021.826 đồng; nợ lãi là: 11.427.598 đồng và phí: 400.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/03/2026 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án. Đồng thời bị đơn cư trú tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: ông Nguyễn Ngọc T đã khởi tạo kích hoạt thẻ tín dụng quốc tế MaterCard Vàng theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Quốc tế ngày 15/03/2023 và ông T đồng ý bị ràng buộc bởi Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng. Theo đó, căn cứ thu nhập của ông T, E đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. HĐXX xét thấy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng với nội dung không trái các quy định của pháp luật nên công nhận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng Quốc tế ngày 15/03/2023 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế được ký kết giữa E và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông T đã thực hiện 07 giao dịch với tổng số tiền là 249.470.000 đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 246.825.000 đồng. Trong đó: lãi phát sinh 9.377.000 đồng và thanh toán gốc 237.448.000 đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05.04.2025, E đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 3.2 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế).

Căn cứ Thông báo ban hành biểu phí số 1004/2023/EIB/TB-TTT ngày 23/05/2023, số 1564/2023/EIB/TB-TTT ngày 26/07//2023 của E thì lãi suất trong hạn được áp dụng 33%/năm; Lãi suất quá hạn: 49,5%/năm (33% x 150%). Tuy nhiên, căn cứ mục 4 Thông báo số 5599/2025/EIB/TB-TGD ngày 20/06/2025 của E quy định: “*Lãi suất xử lý nợ: 20%/năm được áp dụng đối với Thẻ tín dụng Quốc tế ... chuyển nợ từ nhóm 3 trở lên; Thời gian áp dụng từ ngày 23/04/2025*”. Do đó, tại phiên tòa, E yêu cầu ông T thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền: 23.849.424 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là: 12.021.826 đồng; nợ lãi là: 11.427.598 đồng và phí: 400.000 đồng là có lợi hơn cho ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông T phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/03/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho E.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của E được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Các điều 280, 463 và 466 của Bộ luật dân sự;

- Điều 91, Điều 95 ;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP X đối với ông Nguyễn Ngọc T.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tính đến ngày 24/03/2026 là 23.849.424 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó bao gồm: nợ gốc là: 12.021.826 đồng; nợ lãi là: 11.427.598 đồng và phí: 400.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 15/03/2023. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.192.471 đồng (*Một triệu, một trăm năm chín mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi một đồng*) ông Nguyễn Ngọc T phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 654.482 đồng (*Sáu trăm năm mươi tư nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng*) cho Ngân hàng TMCP X đã nộp theo biên lai thu số 0004232 ngày 21/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thủy